

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2116 ngày 16 tháng 12 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định)

Tên chương trình:	Chương trình Đào tạo đại học điều dưỡng chính quy theo hệ thống tín chỉ
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Điều dưỡng
Mã số:	52720501
Loại hình đào tạo:	Chính quy

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân điều dưỡng có năng lực thực hành nghề nghiệp theo pháp luật, tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp và năng lực nghề nghiệp điều dưỡng ở trình độ đại học; có ý thức phục vụ nhân dân; có sức khỏe và năng lực tư duy; làm việc độc lập và phối hợp, tự học và nghiên cứu khoa học, quản lý và phát triển nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo đại học Điều dưỡng nhằm đảm bảo cho các Cử nhân điều dưỡng khi tốt nghiệp có những năng lực:

1. Am hiểu các kiến thức và đạt được các kỹ năng cốt lõi trong các lĩnh vực khoa học về sức khỏe, xã hội, pháp luật, các qui định của ngành y tế và đạo đức nghề nghiệp làm nền tảng cho thực hành chăm sóc phù hợp với nhu cầu của người bệnh, gia đình và cộng đồng. (CNL 1,24,25)
2. Sử dụng thành thạo qui trình điều dưỡng trong thu thập và phân tích thông tin về sức khỏe và bệnh tật, xác định các vấn đề ưu tiên và lâu dài, ra quyết định chăm sóc phù hợp, lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch chăm sóc hiệu quả. (CNL 2, 3,4, 6)

3. Cung cấp các dịch vụ chăm sóc điều dưỡng có chất lượng, áp dụng được y học cổ truyền trong chăm sóc, phòng bệnh và nâng cao sức khỏe, đảm bảo chăm sóc an toàn và hiệu quả, phù hợp với điều kiện kinh tế và văn hóa của người bệnh. (CNL 5, 8,13,14,20,21)
4. Sử dụng các bằng chứng khoa học, ứng dụng tin học và ngoại ngữ, sử dụng các kỹ năng giao tiếp, phối hợp, lãnh đạo và quản lý chuyên nghiệp nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc và an toàn người bệnh. CNL (12,15,17,21,22)
5. Tổ chức và thực hiện sơ cứu, cấp cứu những tình huống khẩn cấp, nguy kịch đơn lẻ và hàng loạt. (CNL 9)
6. Sử dụng hiệu quả các kênh thông tin truyền thông nhằm thiết lập, giao tiếp, cung cấp thông tin về tình trạng sức khỏe, tư vấn và giáo dục sức khỏe phù hợp và hiệu quả cho người bệnh, gia đình người bệnh và cộng đồng. (CNL 10, 11,12,13,14)
7. Quản lý, ghi chép hồ sơ bệnh án theo đúng quy định; sử dụng và quản lý thuốc, trang thiết bị y tế an toàn và hiệu quả.(CNL 7, 16,18,19)
8. Thực hiện và tham gia thực hiện các nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong thực hành chăm sóc điều dưỡng nói riêng và khoa học sức khỏe nói chung nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, sự an toàn người bệnh và phát triển nghề nghiệp. (CNL 21,22,23)
9. Hành nghề theo pháp luật, các qui định của ngành y tế và đạo đức nghề nghiệp điều dưỡng. (CNL 24,25)

1.3. Vị trí và nơi làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Điều dưỡng viên, điều dưỡng trưởng tại các cơ sở y tế trong và ngoài nước.
- Giảng viên tại các cơ sở đào tạo điều dưỡng.

1.4. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Thạc sỹ, Tiến sỹ điều dưỡng và các chuyên ngành thuộc khoa học sức khỏe.
- Điều dưỡng chuyên khoa, chuyên khoa I, chuyên khoa II.

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA

TT	Khối lượng kiến thức	Số tín chỉ
1	Giáo dục đại cương <i>Chưa tính khối kiến thức Giáo dục Quốc phòng -</i>	25

TT	Khối lượng kiến thức	Số tín chỉ
	<i>An ninh, Giáo dục thể chất</i>	
2	Giáo dục chuyên nghiệp	125
	▪ Kiến thức cơ sở ngành	31
	▪ Kiến thức ngành, chuyên ngành	72
	▪ Kiến thức tự chọn	10
	▪ Thực tập tốt nghiệp	4
	▪ Khóa luận tốt nghiệp/Học phần tốt nghiệp	8
Tổng cộng:		150

** Chưa tính 165 giờ Giáo dục quốc phòng - An ninh và 90 giờ Giáo dục thể chất*

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

- Tuyển sinh theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Thực hiện theo Văn bản số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Văn bản hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT và Thông tư 57/2012/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ Ban hành kèm theo Quyết định Số 992/QĐ-ĐDN ngày 26 tháng 06 năm 2015 của Hiệu trưởng trường ĐH Điều dưỡng Nam Định.

6. THANG ĐIỂM

6.1. Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

6.2. Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

a) Loại đạt:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Từ 9,0 đến 10	A+	4,0
2	Từ 8,5 đến 8,9	A	4,0
3	Từ 8,0 đến 8,4	B+	3,5
4	Từ 7,0 đến 7,9	B	3,0

5	Từ 6,5 đến 6,9	C+	2,5
6	Từ 5,5 đến 6,4	C	2,0
7	Từ 5,0 đến 5,4	D+	1,5
8	Từ 4,0 đến 4,9	D	1,0

b) Loại không đạt:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Dưới 4,0	F	0,0

c) Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các kí hiệu sau:

I Chưa đủ dữ liệu đánh giá.

X Chưa nhận được kết quả thi.

d) Đối với những học phần được nhà trường cho phép chuyển điểm, khi xếp mức đánh giá được sử dụng kí hiệu R viết kèm với kết quả.

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

7.1 Khối kiến thức bắt buộc (Kiến thức đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành)

Mã HP	Tên học phần	Số T C	LT	TLS , TH	TTB V,CD	Tổng số tiết	Học phần tiên quyết
Kiến thức đại cương							
PHIL101	Những NLCB của chủ nghĩa Mac-Lênin 1	2	2			30	
PHIL102	Những NLCB của chủ nghĩa Mac-Lênin 2	3	3			45	PHIL101,
PHIL103	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2			30	PHIL101, PHIL102
PHIL104	Đường lối cách mạng Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3			45	PHIL103
ENG101	Tiếng Anh 1	4	4			60	
ENG102	Tiếng Anh 2	4	4			60	ENG101
INF100	Tin học	3	2	1		60	
MIE100	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	8	8			120	
PHE100	Giáo dục thể chất	3				90	
BIO100	Sinh học và di truyền	2	1	1		45	

Mã HP	Tên học phần	Số T C	LT	TLS , TH	TTB V, CĐ	Tổng số tiết	Học phần tiền quyết
CHE100	Hóa học	2	1	1		45	
LAW100	Pháp luật đại cương	2	2		0	30	
Kiến thức cơ sở ngành							
MPS200	Xác suất - Thống kê y học	2	2			30	
PSY200	Tâm lý y học - Y đức	2	2			30	
COM400	Giao tiếp trong thực hành nghề nghiệp	2	1	1		45	
ANA200	Giải phẫu - Mô	5	4	1		90	
MIC200	Vi sinh - Ký sinh trùng	4	3	1		75	ANA200, PHI200
BIC200	Hóa sinh	2	1	1		45	CHE100
PHI200	Sinh lý	2	2		0	30	ANA200
PAM200	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3	2	1		60	BIO100, ANA200, BI C200, PHI200
PHA200	Dược lý	4	3	1		75	MIC200, ANA200, PHI200
NUT200	Dinh dưỡng - Tiết chế	3	2	1	0	60	MIC200, ANA200, PHI200
Kiến thức chuyên ngành							
NR31601	Điều dưỡng cơ sở 1	5	2	3		120	Các HP cơ sở
NR31602	Điều dưỡng cơ sở 2	5	2	3		120	NR31601
NR35400	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng	2	1	1		45	NR31601, NR31602
NR35500	Nghiên cứu khoa học điều dưỡng	2	2			30	Học phần chuyên ngành
NR31701	Chăm sóc người bệnh nội khoa 1	4	3		1	95	Các HP cơ sở
NR31702	Chăm sóc người bệnh nội khoa 2	3	3			45	NR31701
NR31703L	Chăm sóc người bệnh nội khoa 3	4		1	3	180	NR31702

Mã HP	Tên học phần	Số T C	LT	TLS , TH	TTB V,CD	Tổng số tiết	Học phần tiền quyết
NR31704	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	2	1		1	65	NR31701
NR35300	Chăm sóc người bệnh tích cực	3	1		2	115	NR31701
NR32101	Chăm sóc người bệnh truyền nhiễm 1	2	1		1	65	Các HP cơ sở
NR32102L	Chăm sóc người bệnh truyền nhiễm 2	2	1		1	65	NR32101
NR31801	Chăm sóc người bệnh ngoại khoa 1	4	3		1	95	Các HP cơ sở
NR31802	Chăm sóc người bệnh ngoại khoa 2	3	2	1		60	NR31801
NR31803L	Chăm sóc người bệnh ngoại khoa 3	3			3	150	NR31802
NR33001	Chăm sóc sức khỏe tâm thần 1	2	1		1	65	Các HP cơ sở
NR33002L	Chăm sóc sức khỏe tâm thần 2	2	1		1	65	NR33001
NR32001	CS sức khỏe phụ nữ 1	4	2		2	130	Các HP cơ sở
NR32002L	CS sức khỏe phụ nữ 2	4	1	1	2	145	NR32001
NR34800	Quản lý điều dưỡng	2	2			30	HP chuyên ngành
NR31901	CS sức khỏe trẻ em 1	3	2		1	80	Các HP cơ sở
NR31902L	CS sức khỏe trẻ em 2	3	1	1	1	95	NR31901
NR32200	Chăm sóc sức khỏe bằng Y học cổ truyền	2	1		1	65	Các HP cơ sở
NR32800	Vật lý trị liệu và Phục hồi chức năng	2	1		1	65	Các HP cơ sở
NR33700	Điều dưỡng cộng đồng- Tổ chức y tế	4	2		2	130	Các HP cơ sở
	Tự chọn	10	10				
NR360	Thực tập tốt nghiệp	4			4	200	
NR361	Khóa luận tốt nghiệp/học phần tốt nghiệp	8	8		0	120	
	Tổng cộng	161	108	24	29		

7.2. Danh mục các học phần tự chọn

Sinh viên tự chọn các học phần để tích lũy đủ 10 tín chỉ

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	LT	TLS	TH	Tổng số tiết
1	ENG400	Tiếng Anh chuyên ngành	4	4			60
2	SIM400	Sử dụng phần mềm trong Y học	2	1	1		45
3	EPI400	Dịch tễ học	2	1	1		45
4	HEP400	Nâng cao sức khỏe và hành vi con người	2	1	1		45
5	DIN410	Điều dưỡng thảm họa	2	2	0	0	30
6	TAR400	Các chương trình y tế quốc gia	2	2	0	0	30
7	HED400	Giáo dục sức khỏe	2	1	1		45
8	EOH400	Sức khỏe môi trường	2	1	1		45
9	HIV400	Chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS	4	3	1		75
		Tổng:	22	16	6	0	420

7.3. Danh mục các học phần học bổ sung nếu không làm khóa luận tốt nghiệp

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	LT	THTT	TH	Tổng số tiết
1	NR41900L	Xử trí lồng ghép trẻ bệnh	4	0	0	4	200
2	NR41700L	Chăm sóc người bệnh Nội khoa nâng cao	4	0	0	4	200
3	NR41800L	Chăm sóc người bệnh Ngoại khoa nâng cao	4	0	0	4	200
		Tổng:	12	0	0	12	600

Quy định mã học phần:

- Các chữ cái đầu là chữ viết tắt tên tiếng anh của học phần.
- Số tiếp theo quy định khối kiến thức (Số 1: kiến thức đại cương, số 2: kiến thức cơ sở ngành, số 3: kiến thức ngành và chuyên ngành, số 4: kiến thức tự chọn)
- Hai số tiếp theo là mã học phần
- Hai số cuối là số để quy định môn học có nhiều học phần
- Chữ L cuối cùng quy định là học phần thực hành bệnh viện

* Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thực hành, thí nghiệm tại trường; 50 giờ thực hành tại bệnh viện, cộng đồng; 80 giờ thực tập tốt nghiệp, 50 giờ viết khóa luận tốt nghiệp.

* Một buổi học lý thuyết được quy định là 4 tiết, 1 buổi học thực hành, thí nghiệm tại trường; thực hành tại bệnh viện, cộng đồng được quy định là 5 tiết.

* Một tiết học được quy định là 50 phút

Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một tín chỉ sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân.

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Chương trình đào tạo đại học Điều dưỡng chính qui được phân bổ thành 8 học kỳ (4 năm), mỗi năm có 2 học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi. Kế hoạch giảng dạy các học phần của các học kỳ trong toàn khoá học phải đảm bảo tính hệ thống và logic của khối kiến thức trong chương trình, tuân thủ các điều kiện tiên quyết của từng học phần và các quy định hiện hành có liên quan.

Tổ chức giảng dạy phải hợp lý đảm bảo đủ khối lượng kiến thức đã quy định trong chương trình và đáp ứng đúng mục tiêu đào tạo với chất lượng và hiệu quả cao.

9. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

9.1. Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo đại học Điều dưỡng chính qui của Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định được xây dựng dựa trên các căn cứ:

- Luật Giáo dục năm 2005 Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khoá X thông qua ngày 14/06/2005; Sửa đổi một số điều tháng 11/2009;
- Luật Giáo dục Đại học số 08/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;
- Nghị quyết số 46-NQ/TW ngày 23/02/2005 của Bộ Chính trị về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân trong tình hình mới;
- Quyết định số 153/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ban hành ngày 30 tháng 6 năm 2006 phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống y tế Việt Nam giai đoạn đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020”;

- Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến 2030;

- Quy hoạch phát triển nhân lực y tế giai đoạn 2011-2020;

- Chương trình khung giáo dục đại học ngành đào tạo điều dưỡng trình độ đại học thuộc bộ chương trình khung giáo dục đại học khối ngành khoa học sức khỏe trình độ đại học ban hành theo Thông tư số 01/2012/TT-BGDĐT ngày 13 tháng 01 năm 2012 của Bộ GD&ĐT;

- Chuẩn đầu ra các các chương trình đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 81/QĐ-ĐDN ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Điều dưỡng Nam Định.

- Chuẩn năng lực cơ bản của điều dưỡng Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1352/QĐ-BYT ngày 21 tháng 4 năm 2012 của Bộ Y tế;

Chuẩn đạo đức nghề nghiệp điều dưỡng viên ban hành kèm theo Quyết định số 20/QĐ-HDD ngày 10 tháng 09 năm 2012 của Chủ tịch Hội điều dưỡng Việt Nam;

- Thông tư số 07/2011/TT-BYT ngày 26 tháng 01 năm 2011 của Bộ Y tế Hướng dẫn công tác điều dưỡng về chăm sóc người bệnh trong bệnh viện;

Chương trình được xây dựng dựa trên năng lực và được tổ chức thực hiện theo học chế tín chỉ, giảm số giờ thuyết trình, dành thời gian thích hợp cho sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận, làm các bài tập và thực hành kỹ năng điều dưỡng. Khối lượng kiến thức của chương trình đã được xác định phù hợp có cấu trúc logic nhưng mềm dẻo, theo nguyên tắc: Dùng đơn vị đo lường là tín chỉ để chuyển đổi chương trình đào tạo hiện hành phù hợp với phương thức đào tạo theo tín chỉ. Một tín chỉ bằng 1,5 đơn vị học trình. Số tín chỉ cho một học phần tối thiểu là 2, tối đa là 5.

Tổng số tín chỉ sinh viên phải tích lũy để hoàn thành chương trình đào tạo và được cấp bằng tốt nghiệp cử nhân điều dưỡng chính qui là 150 tín chỉ (chưa tính 90 giờ Giáo dục thể chất và 165 giờ Giáo dục quốc phòng - An ninh), bao gồm:

- 25 tín chỉ khối kiến thức giáo dục đại cương

- 31 tín chỉ khối kiến thức cơ sở ngành

- 72 tín chỉ thuộc khối kiến thức chuyên ngành

- 10 tín chỉ học phần tự chọn

- 4 tín chỉ thực tập tốt nghiệp
- 8 tín chỉ làm khóa luận tốt nghiệp hoặc học tích lũy kiến thức tốt nghiệp.

9.2. Tổ chức thực hành phòng thí nghiệm, bệnh viện, cộng đồng

- Thực hành tại phòng thí nghiệm và phòng tiền lâm sàng

Tổ chức thực hành tại phòng thí nghiệm và phòng thực hành tiền lâm sàng của các bộ môn theo nhóm từ 15 đến 30 sinh viên/một phòng thực tập, đảm bảo cho sinh viên có đủ thời gian thực hành.

- Thực hành tại bệnh viện

Sinh viên được thực hành bệnh viện, tham gia chăm sóc, theo dõi, lập kế hoạch chăm sóc, quản lý khoa, buồng bệnh, thực hiện các kỹ thuật chăm sóc dưới sự quản lý, hướng dẫn, đánh giá của giảng viên nhà trường và các giảng viên thỉnh giảng tại các cơ sở y tế được công nhận là cơ sở thực hành của Trường.

- Thực hành tại cộng đồng

Sinh viên được thực hành chăm sóc sức khỏe cộng đồng tại trạm y tế xã, phường, cụm dân cư và một số nhà máy, xí nghiệp là địa bàn thực tập cộng đồng của Nhà trường dưới sự giám sát của giảng viên của nhà trường và của các giảng viên thỉnh giảng tại cộng đồng

9.3. Phương pháp dạy/học

- Lấy người học làm trung tâm; coi trọng sự chủ động trong học tập và tự học, tự nghiên cứu của sinh viên tôn trọng “thực học, thực hành”.

- Áp dụng các phương pháp dạy - học phát huy được tính tích cực, sáng tạo của sinh viên, giúp sinh viên hình thành các năng lực nghề nghiệp điều dưỡng.

- Tăng cường hiệu quả các buổi thực hành phòng thí nghiệm, thực hành tiền lâm sàng, thực hành lâm sàng tại bệnh viện và thực tế tại cộng đồng trên cơ sở xây dựng kế hoạch bài giảng cụ thể, chi tiết chú trọng hướng dẫn và tạo điều kiện cho sinh viên tăng cường tự thực hành, tự lượng giá và phân công giảng viên kết hợp với giảng viên thỉnh giảng tại cơ sở lâm sàng huấn luyện, theo dõi, giám sát và hỗ trợ các hoạt động thực hành lâm sàng của sinh viên, xây dựng kế hoạch, phương pháp và công cụ lượng giá phù hợp với từng kỹ thuật, kỹ năng chăm sóc.

9.4. Đánh giá sinh viên

- Kiểm tra định kỳ, thi kết thúc học phần theo quy chế, quy định hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo và các quy định của Nhà trường.
- Kết hợp nhiều phương pháp lượng giá, coi trọng việc đánh giá quá trình.
- Hình thức và số lần kiểm tra, thi và trọng số mỗi hình thức lượng giá được ghi rõ trong đề cương chi tiết học phần đã được Hiệu trưởng phê duyệt và công bố cho sinh viên khi bắt đầu giảng dạy học phần.

9.5. Làm khóa luận tốt nghiệp hoặc học tích lũy kiến thức tốt nghiệp

9.5.1. Làm khóa luận tốt nghiệp

- Điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp:
 - + Sinh viên đã hoàn thành và đạt tất cả các học phần (trừ thực tập tốt nghiệp) tính đến thời điểm xét giao đề tài khóa luận tốt nghiệp.
 - + Sinh viên đạt điểm trung bình trung học tập (theo kết quả thi lần đầu từ 2.80 trở lên tính đến thời điểm xét giao đề tài khóa luận tốt nghiệp).
 - + Điểm rèn luyện: sinh viên có điểm rèn luyện toàn khóa xếp loại tốt trở lên.
 - + Sinh viên đăng ký làm khóa luận tốt nghiệp đúng thời điểm quy định.
 - + Số lượng: Hàng năm Hiệu trưởng quyết định số lượng sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp tùy thuộc vào điều kiện hiện có về cán bộ hướng dẫn, cơ sở vật chất và thành tích học tập của sinh viên lấy từ cao nhất trở xuống, nhưng không vượt quá 15% tổng số sinh viên toàn khóa.
- Chủ đề làm khóa luận tốt nghiệp

Sinh viên sẽ được chọn một trong các chủ đề về điều dưỡng lâm sàng; quản lý điều dưỡng hoặc cộng đồng phù hợp với định hướng và mong muốn nghề nghiệp sau khi ra trường để làm khóa luận tốt nghiệp. Danh sách các chủ đề do hiệu trưởng quyết định tùy thuộc vào điều kiện về cơ sở thực hành, cán bộ hướng dẫn hiện có.
- Điểm khóa luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học.
- Chấm khóa luận tốt nghiệp theo qui chế của Bộ Giáo dục & Đào tạo và qui định của Nhà trường.

9.5.2. Học và thi một số học phần

- Đối tượng: Sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp.
- Sinh viên đăng ký học và thi một số học phần trong khối kiến thức các học phần học bổ sung nếu không làm khóa luận tốt nghiệp.
- Học và thi đạt yêu cầu các học phần đã đăng ký với khối lượng tương đương với số lượng tín chỉ làm khóa luận tốt nghiệp (8 tín chỉ).
- Điểm các học phần này được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của khóa học.

9.6. Điều kiện tối thiểu thực hiện chương trình đào tạo

9.6.1. Đội ngũ giảng viên

- Giảng viên giảng dạy cử nhân điều dưỡng phải có đủ tiêu chuẩn giảng viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Giảng dạy lý thuyết và thực hành tại phòng thí nghiệm, phòng thực hành kỹ năng tại trường do giảng viên cơ hữu thực hiện.
- Giảng dạy thực hành tại bệnh viện và cộng đồng: giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng thực hiện.

9.6.2. Cơ sở vật chất

- Cơ sở đào tạo phải bảo đảm cơ sở vật chất theo qui định và hướng dẫn hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo như giảng đường, thư viện, phòng thực tập, thực hành, trang thiết bị hiện đại phục vụ giảng dạy tích cực, phòng máy tính có kết nối internet.
- Mỗi bộ môn có nội dung học thực hành phải có ít nhất 01 phòng thí nghiệm, thực hành đảm bảo diện tích và được trang bị đầy đủ theo quy định về chuyên môn của Bộ Y tế. Chú trọng trang bị đầy đủ, hiện đại cho các phòng rèn luyện kỹ năng điều dưỡng và phòng thực tập tiền lâm sàng.
- Đủ mạng lưới các Bệnh viện thực hành từ tuyến tỉnh trở lên, các cơ sở thực tập cộng đồng đáp ứng mục tiêu chương trình đào tạo.

10. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN

10.1. Kiến thức giáo dục đại cương

PHIL101: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin 1. (2 tín chỉ)

Nội dung: Theo chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin của Bộ trưởng Bộ Giáo

dục và Đào tạo ban hành kèm theo quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008.

PHIL102: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin 2. (3 tín chỉ)

Nội dung: Theo chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008.

PHIL103: Tư tưởng Hồ Chí Minh. (2 tín chỉ)

Nội dung: Theo chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008.

PHIL104: Đường lối cách mạng Đảng Cộng sản Việt Nam. (3 tín chỉ)

Nội dung: Theo chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác-Lênin của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008.

ENG101: Tiếng Anh 1. (4 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những năng lực cơ bản về ngữ pháp, từ vựng để sinh viên có thể nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề liên quan trong cuộc sống hằng ngày.

ENG102: Tiếng Anh 2. (4 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những năng lực cao hơn về ngữ pháp, từ vựng và kỹ năng giao tiếp để sinh viên có thể nghe, nói, đọc, viết tương đối thành thạo các chủ đề quen thuộc, các hoàn cảnh gần gũi với bản thân ở trình độ B1 theo khung tham chiếu Châu Âu hay bậc 3 theo khung năng lực Việt Nam

INF100: Tin học. (3 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những năng lực sử dụng các phần mềm văn phòng như: soạn thảo văn bản Microsoft Word, thao tác trên bảng tính điện tử Excel, tạo trình chiếu với Power Point cũng như kiến thức về internet. Có khả năng

thích ứng với sự phát triển của các phần mềm ứng dụng. Vận dụng những kiến thức tin học để ứng dụng vào cuộc sống và môi trường làm việc.

MIE100: Quốc phòng - An ninh. (8 tín chỉ - cấp chứng chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc. Quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam và chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc. Trang bị những nội dung cơ bản về công tác quốc phòng – an ninh góp phần nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, phát huy ý thức trách nhiệm, tự giác của tuổi trẻ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn hiện nay.

PHE101: Giáo dục Thể chất. (3 tín chỉ - cấp chứng chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những năng lực cơ bản nhất về nguyên lý và phương pháp tập luyện về các môn điền kinh, môn nhảy xa kiểu ngồi, môn chạy cự ly trung bình, kỹ thuật nhảy xa kiểu uốn thân và 1 trong các môn bóng bàn, bóng chuyền và bóng rổ.

BIO100: Sinh học và di truyền. (2 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những năng lực cơ bản nhất về một số quy luật di truyền chi phối tính trạng ở người từ đó có kiến thức tổng quan về di truyền người. Nguyên nhân, cơ chế sinh bệnh của các nhóm bệnh, tật di truyền ở người từ đó có kiến thức tổng quan về con người trong trạng thái bình thường và bệnh lý làm nền tảng cho việc thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng và chăm sóc con người.

CHE100: Hóa học. (2 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những năng lực cơ bản và có hệ thống về hoá học nhằm giải thích kiến thức cho các học phần liên quan như hoá sinh, vệ sinh dịch tễ, vi sinh.... Là cơ sở để phục vụ và giải thích cho các quá trình biến đổi chất trong cơ thể, các quá trình trong tự nhiên có liên quan đến điều dưỡng.

LAW100: Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những năng lực cơ bản về một số ngành luật quan trọng trong cuộc sống và những quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực chăm sóc sức khỏe và hành nghề Điều dưỡng. Mô hình tổ chức và hoạt động

của các cơ sở Y tế trong nước. Giúp cho sinh viên nhận thức được môi trường công tác của mình sau khi ra trường, những nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn của mình tại các cơ sở y tế khác nhau. Có kiến thức tổ chức một cơ sở y tế hoạt động có hiệu quả, đảm bảo an toàn, chất lượng.

10.2. Kiến thức cơ sở khối ngành

MPS200: Xác suất – Thống kê y học. (2 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xác suất và thống kê y học. Xử lý được các số liệu thống kê; Ứng dụng các TEST thống kê phù hợp vào từng tình huống bài toán. Có khả năng vận dụng vào các đề tài nghiên cứu khoa học

PSY200: Tâm lý Y học – Y đức. (2 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những năng lực cơ bản về tâm lý người bệnh từ đó biết cách chăm sóc người bệnh trên 3 lĩnh vực Tâm lý - sinh lý và xã hội và hành nghề theo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp.

COM200: Giao tiếp trong thực hành nghề nghiệp. (2 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những năng lực để trong giao tiếp như kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng làm chủ cảm xúc... Từ đó giúp sinh viên có các kỹ năng giao tiếp khi tiếp cận người bệnh, gia đình người bệnh và các nhân viên y tế khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.

ANA200: Giải phẫu - Mô. (5 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những năng lực cơ bản về vị trí, hình thể, chức năng, cấu tạo đại thể, cấu tạo vi thể hoạt động các cơ quan, mô và hệ thống cơ quan trong cơ thể con người. Sự hình thành và phát triển của phôi thai người. Sự điều hoà chức năng trong mối liên hệ thống nhất giữa các cơ quan với nhau để đảm bảo cho cơ thể tồn tại, phát triển một cách bình thường và thích ứng được với sự biến đổi của môi trường sống. Các nghiên cứu của Giải phẫu - Mô tạo cơ sở để phát hiện, giải thích và xử lý các rối loạn hoạt động chức năng của cơ thể từ đó áp dụng vào việc học tập các học phần của ngành điều dưỡng

MIC200: Vi sinh – Ký sinh trùng. (4 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những năng lực cơ bản về nhiễm trùng và các yếu tố độc lực của vi sinh vật, ký sinh trùng; đặc điểm sinh học, tác hại, phương

pháp chẩn đoán phòng thí nghiệm, biện pháp phòng chống lây nhiễm các bệnh do vi sinh vật, ký sinh trùng.

BIC200: Hóa sinh. (2 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức về cơ sở phân tử của sự sống, về các chất hóa học cấu tạo nên cơ thể sống, sự chuyển hóa các chất và nồng độ của các chất đó trong mỗi tế bào, mỗi dịch sinh vật của cơ thể sống. Là cơ sở để phục vụ và giải thích cho kiến thức của các học phần có liên quan ở mức độ phân tử. Tạo điều kiện cho sinh viên tiếp thu kiến thức các học phần khác dễ dàng và sâu sắc hơn, như môn sinh lý, sinh lý bệnh, dinh dưỡng, ...

PHI200: Sinh lý. (2 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những năng lực cơ bản về chức năng, hoạt động chức năng của từng tế bào, từng cơ quan và hệ thống cơ quan trong cơ thể con người, sự điều hoà chức năng trong mối liên hệ thống nhất giữa chúng với nhau để đảm bảo cho cơ thể tồn tại và phát triển một cách bình thường và thích ứng được với sự biến đổi của môi trường sống. Các nghiên cứu của sinh lý học tạo cơ sở để phát hiện, giải thích và xử lý các rối loạn hoạt động chức năng của cơ thể từ đó đưa ra các biện pháp nhằm đảm bảo và nâng cao sức khỏe cho con người.

PAM200: Sinh lý bệnh – Miễn dịch. (3 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức về hệ thống các cơ quan và tế bào tham gia đáp ứng miễn dịch, vai trò của hệ thống miễn dịch trong khả năng đề kháng bệnh tật của cơ thể, những kiến thức cơ bản về cơ chế rối loạn đáp ứng miễn dịch, về quy luật các quá trình bệnh lý điển hình. Các biểu hiện và cơ chế gây ra các biểu hiện bệnh lý của các cơ quan, hệ thống cơ quan bị bệnh. Sinh lý bệnh – Miễn dịch trang bị cơ sở lý luận khoa học cho người cán bộ Y tế để giải thích, thực hành lâm sàng và nghiên cứu khoa học.

PHA200: Dược lý. (4 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức về dược động học, tác dụng, áp dụng lâm sàng của thuốc, về các tai biến khi dùng thuốc, giúp sinh viên điều dưỡng hiểu rõ về thuốc - một phương tiện chủ yếu, quan trọng trong công tác phòng và chữa bệnh cho người. Trên cơ sở hiểu biết về thuốc, có thể tư vấn cho người dùng

thuốc cách sử dụng thuốc an toàn, hợp lý và hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng việc chăm sóc sức khỏe người bệnh.

NUT200: Dinh dưỡng tiết chế. (3 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức về dinh dưỡng: dinh dưỡng căn bản; dinh dưỡng các lứa tuổi; ảnh hưởng của dinh dưỡng đến sức khỏe - bệnh tật; phương pháp đánh giá tình trạng dinh dưỡng; cách xây dựng khẩu phần ăn cho người bình thường và người bệnh, kiến thức vệ sinh an toàn thực phẩm để có thể tư vấn cho người bệnh hiểu thêm về bệnh tật và cách sử dụng các chất dinh dưỡng trong công tác chăm sóc sức khỏe đồng thời cung cấp cho sinh viên những kỹ năng trong khi thực hiện nhiệm vụ của người điều dưỡng.

10.3. Kiến thức ngành, chuyên ngành

NR31601: Điều dưỡng cơ sở 1. (5 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những năng lực để nhận thức về ngành điều dưỡng, bao gồm: lịch sử điều dưỡng; mục đích, nguyên tắc và các chuẩn thực hành điều dưỡng; định hướng phát triển ngành điều dưỡng; các học thuyết về điều dưỡng; qui trình điều dưỡng; và thực hành một số kỹ thuật cơ bản trong chăm sóc người bệnh.

NR31602: Điều dưỡng cơ sở 2. (5 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những năng lực để thực các kỹ thuật chăm sóc và cấp cứu ban đầu cho người bệnh.

NR35400: Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng. (2 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những năng lực về hệ thống tổ chức phòng chống nhiễm khuẩn, sự an toàn của người bệnh trong môi trường bệnh viện; các nhiễm khuẩn mắc phải trong bệnh viện; các quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn, sử dụng bằng chứng liên quan đến nhiễm khuẩn.

NR35500: Nghiên cứu khoa học điều dưỡng. (2 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những năng lực về cách thức tiến hành nghiên cứu khoa học điều dưỡng. Một số phương pháp thực hành nghiên cứu khoa học điều dưỡng và chất lượng chăm sóc người bệnh; Nhận xét, đánh giá các báo cáo, tài liệu nghiên cứu khoa học về điều dưỡng. Phương pháp trình bày nội dung nghiên cứu khoa học về điều dưỡng.

NR31701: Chăm sóc người bệnh nội khoa 1 (4 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về bệnh học các bệnh Nội khoa, chuyên khoa hệ Nội thường gặp.

NR31702: Chăm sóc người bệnh Nội khoa 2. (3 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về chăm sóc sức khỏe bệnh Nội khoa, chuyên khoa hệ Nội thường gặp.

NR31702L: Chăm sóc người bệnh nội khoa 3. (4 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những năng lực, kỹ năng ứng dụng quy trình điều dưỡng để nhận định phân tích, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh Nội khoa. Tư vấn cho người bệnh, gia đình người bệnh và cộng đồng để phòng ngừa các biến chứng và tăng cường sức khỏe trong lĩnh vực nội khoa.

NR31704: Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những thay đổi về tâm sinh lý và các vấn đề sức khỏe của người cao tuổi; nhu cầu chăm sóc của người cao tuổi và vai trò điều dưỡng. Thực hiện thành thạo các kỹ thuật và quy trình chăm sóc điều dưỡng cho người cao tuổi

NR35300: Chăm sóc người bệnh tích cực

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chăm sóc người bệnh tích cực; thực hiện thành thạo các kỹ thuật và quy trình chăm sóc người bệnh tích cực.

NR31801: Chăm sóc người bệnh ngoại khoa 1 (4 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những năng lực, kiến thức và kỹ năng cơ bản về các bệnh Ngoại khoa, chuyên khoa hệ Ngoại.

NR31802: Chăm sóc người bệnh Ngoại khoa 2 (3 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những năng lực, kiến thức và kỹ năng cơ bản về chăm sóc các bệnh Ngoại khoa, chuyên khoa hệ Ngoại. Với hai giai đoạn chăm sóc người bệnh trước phẫu thuật và chăm sóc người bệnh sau phẫu thuật.

NR31802L: Chăm sóc người bệnh Ngoại khoa 3. (3 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những năng lực, kỹ năng ứng dụng quy trình điều dưỡng để nhận định phân tích, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh

Ngoại khoa, chuyên khoa hệ Ngoại. Tư vấn cho người bệnh, gia đình người bệnh và cộng đồng để phòng ngừa các biến chứng và tăng cường sức khỏe trong lĩnh vực Ngoại khoa

NR33001: Chăm sóc sức khỏe tâm thần 1 (2 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những năng lực, kiến thức và kỹ năng cơ bản về bệnh học các bệnh Tâm thần.

NR33002: Chăm sóc sức khỏe Tâm thần. 2 (2 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những năng lực, kỹ năng về chăm sóc người bệnh mắc bệnh tâm thần. Ứng dụng quy trình điều dưỡng để nhận định, phân tích, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc người bệnh tâm thần. Tư vấn cho người bệnh, gia đình người bệnh và cộng đồng để phòng ngừa các biến chứng và tăng cường sức khỏe trong lĩnh vực chuyên khoa tâm thần.

NR34800: Quản lý điều dưỡng. (2 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những năng lực, kỹ năng về khoa học quản lý nói chung và quản lý y tế; vận dụng kiến thức về quản lý y tế vào trong các hoạt động quản lý điều dưỡng, phát triển kỹ năng duy trì các mối quan hệ hợp tác nhằm xây dựng nhóm chăm sóc sức khỏe hiệu quả. Hiểu và quảng bá quan điểm đúng về điều dưỡng trong hệ thống Y tế và cộng đồng.

NR32001: Chăm sóc sức khỏe phụ nữ 1 (4 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những năng lực, kiến thức và kỹ năng cơ bản về các bệnh sản phụ khoa. Các nội dung liên quan đến Dân số - Kế hoạch hóa gia đình.

NR32002: Chăm sóc sức khỏe phụ nữ 2. (4 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những năng lực, kỹ năng về người bệnh Sản phụ khoa, giúp cho sinh viên nhận định và đưa ra được kế hoạch chăm sóc đúng cho người bệnh và sản phụ; Ứng dụng quy trình điều dưỡng Sản phụ khoa trong phát hiện, giải quyết vấn đề và lập kế hoạch sơ cứu, cấp cứu Sản phụ khoa trong những tình huống khẩn cấp, nguy kịch đơn lẻ và hàng loạt.

NR31901: Chăm sóc sức khỏe trẻ em 1 (3 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những năng lực, kiến thức về các bệnh ở trẻ em , nghiên cứu đặc điểm sự phát triển thể chất, vận động, tinh thần, đặc điểm giải phẫu sinh lý, nuôi dưỡng trẻ em,...

NR31902: Chăm sóc sức khỏe Trẻ em 2. (3 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những năng lực, kỹ năng điều dưỡng để nhận định, phân tích, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc trẻ bệnh, tư vấn cho người chăm sóc trẻ và cộng đồng để phòng bệnh và tăng cường sức khỏe trong lĩnh vực nhi khoa.

NR32101: Chăm sóc người bệnh truyền nhiễm 1 (2 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những năng lực, kiến thức và kỹ năng cơ bản về các bệnh truyền nhiễm.

NR32102: Chăm sóc người bệnh Truyền nhiễm 2. (2 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về chăm sóc điều dưỡng truyền nhiễm và chăm sóc bệnh truyền nhiễm thường gặp, bệnh truyền nhiễm ít gặp hơn và bệnh mới xuất hiện. Trang bị năng lực, kỹ năng áp dụng quy trình điều dưỡng để nhận định, phân tích, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh truyền nhiễm, tư vấn cho người bệnh, gia đình người bệnh và cộng đồng để phòng ngừa và tăng cường sức khỏe trong lĩnh vực truyền nhiễm.

NR32200: Chăm sóc sức khỏe bằng Y học cổ truyền. (2 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những năng lực, kiến thức cơ bản về một số phương pháp chăm sóc người bệnh bằng thuốc nam, châm cứu, xoa bóp, bấm huyệt, dưỡng sinh.

NR32800: Vật lý trị liệu – Phục hồi chức năng. (2 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những năng lực, kỹ năng phòng ngừa tàn tật, phục hồi chức năng cho người đã bị giảm hoặc mất các chức năng; các kỹ thuật VLTL-PHCN; một số phương pháp VLTL-PHCN và PHCN các nhóm tàn tật và một số bệnh thường gặp nhằm giảm gánh nặng hậu quả của tàn tật cho bản thân người tàn tật, gia đình và xã hội.

NR33700: Điều dưỡng cộng đồng- Tổ chức y tế. (4 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những năng lực, kỹ năng của khoa học điều dưỡng cộng đồng, tiếp cận với người bệnh ở môi trường ngoài bệnh viện, với những người không bị bệnh và đặc biệt là bối cảnh, môi trường của con người có liên quan đến quá trình phát sinh bệnh tật và những nguồn lực mà người dân có thể sử dụng trong việc bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng của họ; Các nội dung về Tổ chức y tế.

10.4. Kiến thức tự chọn

ENG400: Tiếng Anh chuyên ngành. (4 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những năng lực cơ bản về ngữ pháp, từ vựng để sinh viên có thể nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề quen thuộc liên quan đến nghề điều dưỡng.

SIM400: Sử dụng phần mềm trong Y học. (2 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng về sử dụng phần mềm SPSS để quản lý, xử lý, phân tích dữ liệu thu thập được trong quá trình điều tra phục vụ nghiên cứu khoa học.

EPI400: Dịch tễ học. (2 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về dịch tễ học đại cương và dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm và không truyền nhiễm.

HEP400: Nâng cao sức khỏe và hành vi con người (2 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những quan niệm về sức khỏe của những đối tượng khác nhau trong xã hội, những kiến thức, kỹ năng cơ bản về nâng cao sức khỏe và khoa học hành vi.

DIN400: Điều dưỡng thảm họa. (2 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng về điều dưỡng thảm họa và biện pháp giáo dục cho cộng đồng về thảm họa và cách phòng chống.

TAR400: Các chương trình y tế quốc gia. (2 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những nội dung và giải pháp nhằm hạn chế đến mức thấp nhất ảnh hưởng của những bệnh trong chương trình mục tiêu Quốc gia

về Y tế, hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng hoạt động bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

HED400: Giáo dục sức khỏe. (2 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những năng lực về thực hành đúng các kỹ năng truyền thông – giáo dục sức khỏe để giúp người dân và người bệnh thực hiện hành vi sức khỏe lành mạnh nhằm giảm tỷ lệ mắc bệnh, tàn tật.

EOH400: Sức khỏe môi trường. (2 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức nguyên lý tổng quát dựa trên những phương pháp nghiên cứu nhằm thu thập những thông tin cơ bản về sức khỏe. Nghiên cứu về sự phân bố và yếu tố quyết định sự phân bố các chất ô nhiễm (các nguy cơ) trong môi trường đất, nước, không khí, môi trường lao động... và đánh giá sự ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng vào thực tế chăm sóc sức khỏe.

HIV400: Chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS. (2 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng về phòng chống, chăm sóc người có HIV/AIDS, có đủ tự tin thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng đặc biệt là giới trẻ hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng hoạt động bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân.

NR360: Thực tập tốt nghiệp. (4 tín chỉ)

Nội dung: Học phần Thực tập tốt nghiệp là một bộ phận quan trọng trong chương trình đào tạo, giúp cho sinh viên tích lũy và hoàn thiện được các năng lực cần thiết của người điều dưỡng trình độ đại học trong thực hành nghề điều dưỡng trước khi tốt nghiệp ra trường công tác, bao gồm: năng lực thực hiện chăm sóc bệnh nhân an toàn và hiệu quả, năng lực giao tiếp, làm việc nhóm, năng lực tư duy tích cực, năng lực quản lý lãnh đạo và năng lực làm việc theo đạo đức nghề nghiệp và pháp luật

10.5. Kiến thức tốt nghiệp

NR41900: Xử trí lồng ghép trẻ bệnh. (4 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng về đánh giá, phân loại, xác định điều trị, điều trị, tham vấn trẻ từ trẻ từ 0 đến 2 tháng tuổi, trẻ từ 2 tháng đến 5 tuổi.

NR41700: Chăm sóc người bệnh Nội khoa nâng cao. (4 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản liên quan đến khả năng phát hiện, chăm sóc, theo dõi và đối phó với những bệnh nội khoa ít và hiếm gặp.

NR41800: Chăm sóc người bệnh Ngoại khoa nâng cao. (4 tín chỉ)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản liên quan đến khả năng phát hiện, chăm sóc, theo dõi và đối phó với những bệnh ngoại khoa ít và hiếm gặp.